TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2024/HN-ST
Ngày: 18/7/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Võ Hoàng Hiếu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2024/QĐST-HN ngày 28/06/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ hiện nay: số nhà H ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre là nguyên đơn.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T do mai mốt tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên chồng tại ấp A, xã B.

Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do gia đình chồng đánh đập chị nhưng anh T không có ngăn cản, anh T cũng có đánh đập chị, anh T nghe lời bên chồng không tin tưởng, không quan tâm chị làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Bùi Mỹ N, sinh ngày 19/03/2021 khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Có một con chung cháu Bùi Mỹ N, sinh ngày 19/03/2021, thấy rằng từ khi anh, chị ly thân con chung sống với chị M có cuộc sống ổn định, hiện nay cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, đồng thời anh T cũng không có ý kiến đối với con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống và phát triển bình thường của con chung, khi ly hôn giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị M yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do gia đình anh T và anh T có hành vi bạo lực gia đình với chị, anh T nghe lời gia đình ruột không tin tưởng, không quan tâm chị làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh T sống thì địa phương cung cấp thông tin: Về mâu thuẫn của vợ chồng do chị M có xích mít với chị, em chồng và giữa vợ chồng cũng có cự cãi với nhau do anh T có nhậu nhẹt, ngoài ra anh T không có tật xấu nào khác.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T là có thật, vợ chồng có cãi vả nhau về việc anh T không có hướng khắc phục mâu thuẫn giữa chị M và gia đình anh T làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã có thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị M nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống có một con chung cháu Bùi Mỹ N, sinh ngày 19/03/2021, thấy rằng từ khi anh, chị ly thân con chung sống với chị M có cuộc sống ổn định, hiện nay cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, đồng thời anh T cũng không có ý kiến đối với con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống và phát triển bình thường của con chung, khi ly hôn giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anhToàn không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung cháu Bùi Mỹ N, sinh ngày 19/03/2021, khi ly hôn giao con chung cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có và anh Bùi Văn T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có và anh Bùi Văn T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005313 ngày 12 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến